

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục, dự toán và cấp kinh phí đối ứng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc “Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030”, bắt đầu thực hiện từ năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý “Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030”; Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện “Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030”;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: 1984/QĐ-BKHCN ngày 27/7/2021 phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặt hàng thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ bắt đầu thực hiện từ năm 2022; số 3330/QĐ-BKHCN ngày 21/12/2021 về việc phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ thuộc “Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030”, bắt đầu thực hiện từ năm 2022;

Căn cứ Công văn số 3863/BKHCN-KHTC ngày 15/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1454/TTr-SKHCN ngày 05/9/2023; của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 5056/STC-HCSN ngày 28/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục, dự toán và cấp kinh phí đối ứng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp quốc gia thuộc “Chương trình

phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030”, bắt đầu thực hiện từ năm 2022, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Danh mục và dự toán chi tiết các nhiệm vụ KH&CN.

1.1. Số lượng nhiệm vụ KH&CN: 01 nhiệm vụ (*có Danh mục chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

1.2. Kinh phí thực hiện: 3.400,0 triệu đồng (*Ba tỷ bốn trăm triệu đồng*), trong đó:

- Kinh phí SNKH Trung ương: 2.600,0 triệu đồng;
- Kinh phí đối ứng từ SNKH địa phương: 800,0 triệu đồng;
- Nguồn khác và nguồn tự có: Không.

(Có dự toán chi tiết tại các Phụ lục II kèm theo).

2. Cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN phần ngân sách đối ứng của địa phương

2.1. Số lượng nhiệm vụ KH&CN được cấp kinh phí: 01 nhiệm vụ.

2.2. Tổng kinh phí cấp: 300 triệu đồng (*Ba trăm mười triệu đồng*).

2.3. Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2023.

(Nội dung chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này:

1. Sở Khoa học và Công nghệ: Phối hợp với các đơn vị chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ kiểm tra, hướng dẫn đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

2. Sở Tài chính: Thực hiện cấp kinh phí đối ứng từ nguồn SNKH địa phương cho đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN; xác nhận và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN đảm bảo đúng mục đích, nội dung theo dự toán được phê duyệt, đảm bảo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

3. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN: Triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo đúng nội dung, tiến độ đã được phê duyệt; quản lý, sử dụng kinh phí được cấp đúng mục đích, hiệu quả và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

4. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, hợp pháp của số liệu và hồ sơ trình; việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt tại Điều 1 và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- PCVP UBND tỉnh Cao Thanh Tùng;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

Phu lục I

DANH MỤC NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA THUỘC “CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ ĐẾN NĂM 2030”, BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND tỉnh ngày/...../2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, nội dung, dự kiến sản phẩm và thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Kinh phí (triệu đồng)		
				Tổng số (Theo Quyết định số 3330/QĐ-BKHCN ngày 21/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)	SNKH Trung ương (Theo Quyết định số 3330/QĐ-BKHCN ngày 21/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)	SNKH Địa phương (Đối ứng)
1.	Đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm sâm Báo của tỉnh Thanh Hóa	Viện Di truyền Nông nghiệp.	Thực hiện theo các Quyết định của Bộ trưởng Bộ KH&CN: số 3330/QĐ-BKHCN ngày 21/12/2021 về việc phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ thuộc “Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030”, bắt đầu thực hiện từ năm 2022; số 1984/QĐ-BKHCN ngày 27/7/2021 phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia đặt hàng thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ bắt đầu thực hiện từ năm 2022.	3.400	2.600,0	800,0
	Cộng			3.400	2.600,0	800,0

Phụ lục II**DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ ĐỐI ỨNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA THUỘC
“CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ ĐẾN NĂM 2030”, BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2022****Tên nhiệm vụ: “Đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm sâm Báo của tỉnh Thanh Hóa”***(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND tỉnh ngày/...../2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)**Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Nội dung các khoản chi	Kinh phí đối ứng		
		SNKH Địa phương	Khoản chi	Nguồn tự có, khác
1	Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	128,77	128,77	0
2	Nguyên vật liệu, năng lượng	0	0	0
3	Máy móc, thiết bị	0	0	0
4	Quản lý dự án và các chi khác	671,23	137,48	0
	Cộng	800,0	266,25	0

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Kết luận thẩm định số 1068/SKH-CN-KLTD ngày 06/7/2023 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.

Phụ lục III**CHI TIẾT CẤP KINH PHÍ ĐỐI ỨNG CHO NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA THUỘC “CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ ĐẾN NĂM 2030”, BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2022***(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND tỉnh ngày/...../2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)**Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Kinh phí		
				Tổng số	SNKH Địa phương	SNKH Địa phương cấp đợt này
1.	Đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm sâm Báo của tỉnh Thanh Hóa	Viện Di truyền Nông nghiệp	30 tháng	3.400,0	800,0	300,0
	Tổng			3.400,0	800,0	300,0